TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2019
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Độ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Lan

2. Bà Đình Thị Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tiến Giang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái

Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 505/2018/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số: 07/2019/TB-TA ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976, Có mặt

Địa chỉ: Tổ 20 (nay tổ 03), phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1974, Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 20 (nay tổ 03), phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-12-2018 và các tài liệu có trong hồ sơ cùng lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 1999, tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Thực tế từ năm 2003 anh T thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, việc chu cấp tiền cho chị H để nuôi con rất ít. Mâu thuẫn đó tự bản thân chị H và anh T hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Từ tháng 12 năm 2017 chị H và anh T đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu T có hai con chung là cháu Nguyễn Mai H1, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2000 và cháu Nguyễn Hữu B, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2008. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu B đang ở cùng với chị H và có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu T tự thỏa thuận nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được tòa án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình, bị đơn anh Nguyễn Hữu T có nơi cư trú ở tổ 20 (nay là tổ 03), phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về thủ tục hòa giải trước khi mở phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng tại tòa án, chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải căn cứ khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 1999, tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến chị H và anh T thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ năm 2003 anh T thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình. Mâu thuẫn đã được vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay chị H và anh T đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Hữu T là có căn cứ, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu T có hai con chung là cháu Nguyễn Mai H1, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2000 và cháu Nguyễn Hữu B,

sinh ngày 29 tháng 8 năm 2008. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét không xem xét, còn cháu B đang ở cùng với chị H, chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện nay cháu B đang sống ổn định cùng chị H, chị H có nơi ở cố định, thu nhập lương hàng tháng là 7.100.000 đồng, và để phù hợp với nguyện vọng của cháu B. Do đó cần giao cháu Nguyễn Hữu B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho tới khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Hữu T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 điều 227 khoản 3 Điều 228 Điều 235; Điều 271 và Điều 273của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu T

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Hữu B, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2008, cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0002054, ngày 10/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm)

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- VKSND tp Yên Bái;
- Chi cục THADS tp Yên Bái;
- UBND phường H
tp Yên Bái, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Độ